

Bản án số: **101/2024/DS-ST**
Ngày: 15/5/2024
V/v trA chấp dân sự hợp đồng vay

NHÂN DA

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Phong Phi**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Thi

Ông Võ Hoàng Nghiệp

- Thư ký phiên tòa: Bà **Triệu Thị Bình** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị ThA Thuý** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2024 về “trA chấp dân sự hợp đồng vay”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hà Hữu C, sinh năm 1974; cư trú: Số 39, đường số 4, khóm Mỹ Hòa, phường Vĩnh Mỹ, thành phố C Đốc, tỉnh An Giang. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1972, cư trú: Số nhà 632, tổ 17, ấp Vĩnh Thành, xã Vĩnh Trường, huyện An Phú, tỉnh An Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Hà Hữu C trình bày: Vào ngày 03/01/2022 ông có cho ông Nguyễn Tuấn A vay số tiền 60.000.000 đồng, với lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 5 tháng, mục đích vay để thuê đất cA tác lúa và có làm biên nhận, không có thế chấp tài sản, trong quá trình vay ông A không thực hiện việc đóng lãi cũng như việc trả nợ gốc. Nay ông yêu cầu ông A phải có nghĩa vụ trả số tiền 60.000.0000 đôn và tiền lãi theo quy định pháp luật, tại phiên tòa hôm nay ông C xác nhận vào năm 2023 ông A có trả tiền vốn là 4.000.000

đồng, nên rút lại một phần yêu cầu kiện chỉ yêu cầu trả số tiền là 56.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 03/01/2023 đến ngày xét xử.

Người bị kiện ông Nguyễn Tuấn A trình bày: Ông thừa nhận là có vay của ông Hà Hữu C số tiền 60.000.000 đồng như ông C trình bày, ông có trả vốn 2 tháng với số tiền 4.000.000 đồng. Hiện nay ông còn nợ ông C 56.000.000 đồng, trước yêu cầu của ông C ông chỉ đồng ý trả số tiền 56.000.000 xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ và xin không tính lãi.

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn bảo lưu ý kiến của mình.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử đảm bảo, xác định quan hệ trA chấp, tư cách người tham gia tố tụng...là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự được quy định tại Điều 21, Điều 97, Điều 98, Điều 100, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thì thấy bị đơn thừa nhận có vay tiền của nguyên đơn nên buộc bị đơn trả nợ, các bên vay có lãi và nguyên đơn yêu cầu tính lãi là phù hợp, bị đơn xin trả dần không được nguyên đơn đồng ý nên không chấp nhận ý kiến của bị đơn, tại Toà nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ một phần, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Toà án đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về thời hạn tố tụng và các thủ tục tố tụng đảm bảo.

[2] Về quan hệ pháp luật trA chấp được giải quyết: Yêu cầu khởi kiện của ông C là buộc ông Tuấn A trả lại 56.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật trA chấp được Toà án xem xét giải quyết là: “hợp đồng vay” theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thời hiệu: Nguyên đơn và bị đơn không có yêu cầu áp dụng thời hiệu

[4] Về tư cách đương sự: Trong vụ án này nguyên đơn là ông C, bị đơn là ông Tuấn A, ông C không kiện ai khác.

[5] Nhận định về nội dung: Ông C kiện đòi số tiền 60.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận ký nhận tiền nên có căn cứ xem xét chấp nhận.

Bị đơn cho rằng trả nhiều lần và lần cuối trả 4.000.000 đồng, nguyên đơn thừa nhận có nhận 4.000.000 đồng, nguyên đơn đồng ý rút lại một phần yêu cầu kiện đối với số tiền 4.000.000 đồng và đồng ý tính lãi kể từ ngày 03/01/2023 đến nay..

Tiền vốn 56.000.000 đồng từ ngày 01/3/2023 đến ngày 15/5/2024 là $16,5 \text{ tháng} \times 1,67 \% = 15.430.800$ đồng, tổng cộng vốn và lãi = 71.430.800 đồng (Bảy mươi một triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, tám trăm đồng)

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của ông C được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí, hoàn lại tiền tạm ứng án phí mà ông C đã nộp.

Ông Tuấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, 465, 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 147, Điều 155; Điều 177, Điều 179, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Hà Hữu C

Buộc ông Nguyễn Tuấn A trả cho ông Hà Hữu C số tiền 71.430.800 đồng (Bảy mươi một triệu, bốn trăm ba mươi nghìn, tám trăm đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hà Hữu C do rút lại phần tiền 4.000.000 đồng

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Nguyễn Tuấn A phải chịu 3.571.540 đồng án phí dân sự sơ thẩm,

Ông Hà Hữu C được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 2.100.000 đồng, theo biên lai thu số 0009348 ngày 18/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú mà ông đã nộp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 15/5/2024) Các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh;
- VKS huyện;
- CC THADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

Nguyễn Phong Phi